

Hòa Sơn, ngày 30 Tháng 8 năm 2023

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH - MÔN TOÁN LỚP 6

Năm học: 2023-2024

Tổng số tiết: 140 tiết (35 tuần)

Học kì I: 72 tiết (18 tuần)

Học kì II: 68 tiết (17 tuần)

**Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán 2018 quy định thời lượng
Toán 6 gồm 140 tiết, phân bổ như sau:**

- 49% cho mạch Đại số (69 tiết = 63 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 30% cho mạch Hình học và Đo lường (42 tiết = 37 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 14% cho mạch Xác suất và Thống kê (19 tiết = 17 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 7% cho Hoạt động thực hành và trải nghiệm (10 tiết).

Chương	Bài học	Tiết PPCT	Ghi chú
CHƯƠNG I. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN (12 tiết)	Tập hợp	1	
	Cách ghi số tự nhiên	2	
	Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên	3	
	Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	4	
	Phép nhân và phép chia số tự nhiên	5,6	
	Luyện tập chung	7	
	Lũy thừa với số mũ tự nhiên	8, 9	
	Thứ tự thực hiện phép tính	10	
	Luyện tập chung	11	
	Bài tập cuối chương I	12	
CHƯƠNG II. TÍNH CHIA HẾT TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN (13 tiết)	Quan hệ chia hết và tính chất	13, 14	
	Dấu hiệu chia hết	15, 16	
	Số nguyên tố	17, 18	
	Luyện tập chung	19	
	Ước chung. Ước chung lớn nhất	20	

	Luyện tập chung	21	
	Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	22, 23	
	Luyện tập chung	24	
	Bài tập cuối chương II	25	
CHƯƠNG III. SỐ NGUYÊN (13 + 3 tiết)	Tập hợp các số nguyên	26, 27	
	Phép cộng và phép trừ số nguyên	28, 29, 30	
	Quy tắc dấu ngoặc	31	
	Luyện tập chung	32, 33	
	Ôn tập, kiểm tra giữa học kì I	34, 35, 36	
	Phép nhân số nguyên	37, 38	
	Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	39	
	Luyện tập chung	40	
	Bài tập ôn chương III.	41	
CHƯƠNG IV. MỘT SỐ HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN (13 tiết)	Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều.	42, 43, 44	
	Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân.	45, 46, 47	
	Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học	48, 49, 50,	
	Luyện tập chung	51, 52	
	Ôn tập cuối chương IV	53, 54	
CHƯƠNG V. TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẪNG TRONG TỰ NHIÊN (8 tiết)	Hình có trục đối xứng	55, 56	
	Hình có tâm đối xứng	57, 58	
	Luyện tập chung	59, 60	
	Ôn tập chương V	61, 62	
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI	Tám thiệp và phòng học của em	63, 64	
	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	65, 66	

NGHIỆM (6 +4 tiết)	Sử dụng máy tính cầm tay	67, 68	
	Ôn tập, kiểm tra học kì I	69, 70, 71, 72	
CHƯƠNG VI. PHÂN SỐ (15 tiết)	Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau.	73, 74	
	So sánh phân số. Hỗn số dương	75, 76	
	Luyện tập chung	77, 78, 79	
	Phép cộng và phép trừ phân số	80, 81	
	Phép nhân và phép chia phân số	82, 83	
	Hai bài toán về phân số	84	
	Luyện tập chung	85, 86	
	Ôn tập chương VI	87	
CHƯƠNG VII. SỐ THẬP PHÂN (10 tiết)	Số thập phân	88	
	Tính toán với số thập phân	89, 90, 91, 92	
	Làm tròn và ước lượng	93	
	Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	94, 95	
	Luyện tập chung	96	
	Ôn tập chương VII	97	
CHƯƠNG VIII. NHỮNG HÌNH HỌC CƠ BẢN (16 + 3 tiết)	Điểm và đường thẳng	98, 99, 100	
	Điểm nằm giữa hai điểm. Tia	101, 102	
	Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	103, 104	
	Ôn tập, kiểm tra giữa học kì II	105, 106, 107	
	Trung điểm của đoạn thẳng	108	
	Luyện tập chung	109, 110	
	Góc	111, 112	

	Số đo góc	113, 114	
	Luyện tập chung	115	
	Ôn tập chương VIII	116	
CHƯƠNG IX. DỮ LIỆU VÀ XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM (17 tiết)	Dữ liệu và thu thập số liệu	117, 118	
	Bảng thống kê và biểu đồ tranh	119, 120	
	Biểu đồ cột	121, 122	
	Biểu đồ cột kép	123, 124	
	Luyện tập chung	125, 126	
	Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	127, 128	
	Xác suất thực nghiệm	129, 130	
	Luyện tập chung	131	
	Ôn tập chương IX	132, 133	
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (4+3 tiết)	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	134	
	Hoạt động thể thao nào được yêu thích nhất trong hè	135	
	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	136, 137	
	Ôn tập, kiểm tra học kì II	138, 139, 140	

Hòa Sơn, ngày 30 Tháng 8 năm 2023

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH - MÔN TOÁN LỚP 7

Năm học: 2023-2024

Tổng số tiết: 140 tiết (35 tuần)

Học kì I: 72 tiết (18 tuần)

Học kì II: 68 tiết (17 tuần)

**Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán 2018 quy định thời lượng
Toán 7 gồm 140 tiết, phân bổ như sau:**

- 43% cho mạch Đại số (60 tiết = 52 tiết + 8 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 36% cho mạch Hình học và Đo lường (50 tiết = 44 tiết + 6 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 14% cho mạch Xác suất và Thống kê (20 tiết = 18 tiết + 2 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 7% cho Hoạt động thực hành và trải nghiệm (10 tiết).

Chương	Bài học	Tiết PPCT	Ghi chú
Chương I: SỐ HỮU TỈ (14 tiết)	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	1, 2	
	Bài 2. Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ	3, 4	
	Luyện tập chung	5, 6	
	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	7, 8, 9	
	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế	10, 11	
	Luyện tập chung	12, 13	
	Bài tập cuối chương I	14	
Chương II: SỐ THỰC (10 tiết)	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	15, 16	
	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	17, 18	
	Bài 7. Tập hợp các số thực	19, 20, 21	
	Luyện tập chung	22, 23	
	Bài tập cuối chương II	24	

Chương III: GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG (11 tiết + 3 tiết)	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	25, 26	
	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết	27, 28	
	Luyện tập chung	29, 30	
	Bài 10. Tiên đề Euclid. Tính chất của hai đường thẳng song song	31, 32	
	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	33	
	Luyện tập chung	34	
	Bài tập cuối chương III	35	
	Ôn tập, kiểm tra giữa học kỳ I	36, 37, 38	
Chương IV. TAM GIÁC (14 tiết)	Bài 12. Tổng các góc của một tam giác	39	
	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác	40, 41	
	Luyện tập chung	42	
	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác	43, 44	
	Luyện tập chung	45	
	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	46, 47	
	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của một đoạn thẳng	48, 49	
	Luyện tập chung	50, 51	
	Bài tập cuối chương IV	52	
Chương V: THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU (11 tiết)	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu	53, 54	
	Bài 18. Biểu đồ hình quạt tròn	55, 56, 57	
	Bài 3. Biểu đồ đoạn thẳng	58, 59, 60	
	Luyện tập chung	61, 62	
	Bài tập cuối chương V	63	
HOẠT ĐỘNG THỰC	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	64, 65	
	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	66, 67, 68	

HÀNH TRẢI NGHIỆM (5 tiết + 4 tiết)	Ôn tập và kiểm tra cuối học kỳ I	69, 70, 71, 72	
Chương VI. TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ (12 tiết)	Bài 20. Tỉ lệ thức	73, 74	
	Bài 21. Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau	75	
	Luyện tập chung	76, 77	
	Bài 22. Đại lượng tỉ lệ thuận	78, 79	
	Bài 23. Đại lượng tỉ lệ nghịch	80, 81	
	Luyện tập chung	82, 83	
	Bài tập cuối chương VI	84	
Chương VII: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ (16 tiết + 3 tiết)	Bài 24. Biểu thức đại số	85	
	Bài 25. Đa thức một biến.	86, 87, 88	
	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	89, 90	
	Luyện tập chung	91, 92	
	Bài 27. Phép nhân đa thức một biến	93, 94	
	Bài 28. Phép chia đa thức một biến	95, 96, 97	
	Luyện tập chung	98, 99	
	Bài tập cuối chương VII	100	
	Ôn tập, kiểm tra giữa học kỳ II	101, 102, 103	
Chương VIII. LÀM QUEN VỚI BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ (6 tiết)	Bài 29. Làm quen với biến cố	104, 105	
	Bài 30. Làm quen với xác suất của biến cố	106, 107	
	Luyện tập chung	108	
	Bài tập cuối chương VIII	109	
Chương IX. QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG	Bài 31. Quan hệ giữa các góc và cạnh đối diện trong một tam giác	110, 111	
	Bài 32. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	112	

MỘT TAM GIÁC (13 tiết)	Bài 33. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác	113	
	Luyện tập chung	114, 115	
	Bài 34. Sự đồng quy của ba trung tuyến, ba đường phân giác trong một tam giác	116, 117	
	Bài 35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao trong một tam giác	118, 119	
	Luyện tập chung	120, 121	
	Bài tập cuối chương IX	122	
Chương X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (9 tiết)	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	123, 124, 125	
	Luyện tập	126	
	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác	127, 128, 129	
	Luyện tập	130	
	Bài tập cuối chương X	131	
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM (5 tiết + 4 tiết)	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	132, 133	
	Vòng quay may mắn	134	
	Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em	135, 136	
	Ôn tập, kiểm tra cuối học kỳ II	137, 138, 139, 140	

Hòa Sơn, ngày 30 Tháng 8 năm 2023

B. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH - MÔN TOÁN LỚP 8

Năm học: 2023 – 2024

Tổng số tiết: 140 tiết (35 tuần)

Học kì I: 72 tiết (18 tuần)

Học kì II: 68 tiết (17 tuần)

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán 2018 quy định thời lượng Toán 8 gồm 140 tiết, phân bổ như sau:

- 44% cho mạch Đại số (62 tiết = 55 tiết + 7 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 37% cho mạch Hình học và Đo lường (51 tiết = 46 tiết + 5 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 12% cho mạch Xác suất và Thống kê (17 tiết = 14 tiết + 3 tiết Ôn tập và kiểm tra);
- 7% cho Hoạt động thực hành và trải nghiệm (10 tiết).

Chương	Bài học	Tiết PPCT	Tuần
Chương I ĐA THỨC (13 tiết)	Bài 1: Đơn thức	1, 2	1
	Bài 2: Đa thức	3, 4	
	Bài 3: Phép cộng và phép trừ đa thức	5	2
	Luyện tập chung	6,7	
	Bài 4. Phép nhân đa thức	8	
	Bài 4. Phép nhân đa thức (tt)	9	3
	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức	10	
	Luyện tập chung	11	
	Bài tập cuối chương I	12	
	Bài tập cuối chương I(tt)	13	
CHƯƠNG II HẸNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG (13 tiết)	Bài 6: Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu	14, 15	4
	Bài 7: Lập phương của một tổng. Lập phương của một hiệu	16	
	Bài 7: Lập phương của một tổng. Lập phương của một hiệu (tt)	17	5
	Bài 8: Tổng và hiệu hai lập phương	18, 19	
	Luyện tập chung	20	

	Luyện tập chung (tt)	21	6
	Bài 9: Phân tích đa thức thành nhân tử	22,23,24	
	Luyện tập chung	25	7
	Bài tập cuối chương II	26	
CHƯƠNG III TỨ GIÁC (15 tiết)	Bài 10: Tứ giác	27	8
	Bài 11: Hình thang cân	28	
	Bài 11: Hình thang cân (tt)	29	
	Luyện tập chung	30	9
	Bài 12: Hình bình hành	31,32	
	Luyện tập chung	33	10
	Ôn tập, kiểm tra giữa học kỳ I	34, 35,36	
	Bài 13: Hình chữ nhật	37,38	
	Bài 14: Hình thoi và hình vuông	39	11
	Bài 14: Hình thoi và hình vuông (tt)	40	
	Luyện tập chung	41,42	12
	Bài tập cuối chương III	43, 44	
CHƯƠNG IV ĐỊNH LÝ THALÈS (10 tiết)	Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác	45, 46	13
	Bài 16. Đường trung bình của tam giác	47, 48	
	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	49, 50	14
	Luyện tập chung	51, 52	
	Bài tập cuối chương IV	53, 54	15
CHƯƠNG V DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ (8 tiết)	Bài 18: Thu thập và phân loại dữ liệu	55	
	Bài 19: Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ	56	16
	Bài 19: Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tt)	57	
	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ	58,59	
	Luyện tập chung	60	17
	Luyện tập chung (tt)	61	
	Bài tập cuối chương V	62	
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM	Công thức lãi kép	63	18

(6 tiết)	Thực hiện tính toán trên đa thức với phần mềm GeoGebra	64	
	Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra	65, 66	17
	Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam	67, 68	
	Ôn tập và kiểm tra cuối học kỳ I	69, 70, 71, 72	18
CHƯƠNG VI PHÂN THỨC ĐẠI SỐ (14 tiết)	Bài 21. Phân thức đại số	73, 74	19
	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số	75, 76	
	Luyện tập chung	77, 78	20
	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số	79, 80	
	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số	81, 82	21
	Luyện tập chung	83, 84	
	Bài tập cuối chương VI	85, 86	22
CHƯƠNG VII PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT (15 tiết)	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	87, 88	
	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	89, 90	23
	Luyện tập chung	91, 92	
	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	93, 94	24
	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	95, 96	
	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng	97,98	25
	Luyện tập chung	99,100	
	Bài tập cuối chương VII	101	26
CHƯƠNG VIII MỞ ĐẦU VỀ TÍNH XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ (9 tiết)	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	102	
	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số	103	
	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng	104	
	Luyện tập chung	105	
	Bài tập cuối chương VIII	106,107	27

	Ôn tập, kiểm tra giữa học kỳ II	108	
	Ôn tập, kiểm tra giữa học kỳ II (tt)	109, 110	28
CHƯƠNG IX TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG (16 tiết)	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	111,112	29
	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác	113,114,115	
	Luyện tập chung	116	
	Luyện tập chung (tt)	117	30
	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng	118,119	
	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.	120	
	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tt)	121	31
	Bài 37. Hình đồng dạng	122	
	Luyện tập chung	123,124	
	Bài tập cuối chương IX	125,126	32
CHƯƠNG X MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (6 tiết)	Bài 38. Hình chóp tam giác đều.	127,128	
	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều.	129,130	33
	Luyện tập chung	131	
	Bài tập cuối chương X	132	
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (4 tiết)	Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính.	133	34
	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	134	
	Thực hành tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị hàm số với phần mềm GeoGebra	135	
	Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	136	
	Ôn tập và kiểm tra cuối học kỳ II	137,138,139, 140	35

Hòa Sơn, ngày 30 Tháng 8 năm 2023

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH - MÔN TOÁN 9

Năm học : 2023-2024

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết/ tuần : 140 tiết

Học kỳ I: 18 tuần x 4 tiết/ tuần : 72 tiết

Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/ tuần : 68 tiết

Cả năm 140 tiết	Đại số 70 tiết	Hình học 70 tiết
Học kỳ I 18 tuần 72 tiết	40 tiết 14 tuần đầu x 2 tiết = 28 tiết 4 tuần tiếp x 3 tiết = 12 tiết	32 tiết 14 tuần đầu x 2 tiết = 28 tiết 4 tuần tiếp x 1 tiết = 4 tiết
Học kỳ II 17 tuần 68 tiết	30 tiết 4 tuần đầu x 1 tiết = 4 tiết 13 tuần tiếp x 2 tiết = 26 tiết	38 tiết 4 tuần đầu x 3 tiết = 12 tiết 13 tuần tiếp x 2 tiết = 26 tiết

Đại số 9 – Học kỳ I (40 tiết)

Chương I: Căn bậc hai - Căn bậc ba (18 tiết)		
Tuần	Tiết	Tên bài dạy
1	1	§1. Căn bậc hai (?2, ?5; Bài tập 5 không yêu cầu học sinh làm)
	2	§2. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $
2	3	Luyện tập
	4	§3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương (Bài tập 21;22;24 hs tự làm)
3	5	Luyện tập
	6	§4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương
4	7	Luyện tập
	8	Luyện tập chung cho §3, §4 (§5–trang 20–23: không dạy)
5	9	§6. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai
	10	Luyện tập
6	11	§7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai (tiếp)

Ghép và cấu trúc thành 01 bài:
“Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai”

- Đưa thừa số ra ngoài dấu căn
- Đưa thừa số ra ngoài dấu căn
- Khử mẫu của biểu thức lấy căn

			4. Trục căn thức ở mẫu số
	12	Luyện tập	
7	13	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai	
	14	Luyện tập	
8	15	§9. Căn bậc ba	
	16	Ôn tập chương I	
9	17	Ôn tập giữa học kỳ I	
	18;19	Kiểm tra giữa học kỳ I 90” (Gồm Đại số và hình học))	
10		Chương II: Hàm số bậc nhất	
	20	§1. Nhắc lại, bổ sung các khái niệm về hàm số	
11	21	§2. Hàm số bậc nhất (Bài tập 19: khuyến khích học sinh tự làm)	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: <i>“Hàm số bậc nhất”</i> 1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất <i>- Không yêu cầu học sinh vẽ đồ thị hàm số hàm số $y = ax + b$ với a, b là số vô tỉ.</i> <i>- Không chứng minh các tính chất của hàm số bậc nhất.</i>
	22	Luyện tập	
12	23	§3. Đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) (Không yêu cầu HS vẽ đồ thị với a, b số vô tỉ ; Không c/m các tính chất hàm số bậc nhất)	
	24	Luyện tập	
13	25	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	
	26	Luyện tập	
14	27	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$). (Ví dụ 2 trang 58, không dạy)	
	28	Luyện tập (Bài tập 28b; 31 trang 58, 59 không yêu cầu hs làm)	
15	29	Ôn tập chương II (Bài tập 37d; 38c: Tự học có hướng dẫn)	
		Chương III: Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	
	30	§1. Phương trình bậc nhất hai ẩn	
	31	§2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn - Luyện tập (Kết luận của bài tập 2 trang 25: đưa vào cuối trang 10, không yêu cầu HS chứng minh và được sử dụng để làm các bài tập khác)	
16	32	Luyện tập	
	33	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	
	34	Luyện tập	
17	35	Ôn tập học kỳ I	
	36, 37	Kiểm tra học kỳ I (90’ gồm Đại số và Hình học)	
18	38	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số	
	39	Luyện tập	
	40	Trả bài kiểm tra học kỳ I (Phần Đại số)	

Đại số 9 – Học kỳ II (30 tiết)

Chương III: Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (17 tiết–tiếp theo)

Tuần	Tiết	Tên bài dạy	
19	41	§5. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình” 1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. 2. Ví dụ Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế.
20	42	§6. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (tiếp)	
21	43	Luyện tập	
22	44	Ôn tập Chương III (với sự hỗ trợ của Máy tính cầm tay) (Câu hỏi 2: Kết quả của bài tập 2 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập khác)	
Chương IV: Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Phương trình bậc hai một ẩn			
23	45	§1. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)” 1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). 3. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)
	46	Luyện tập	
24	47	§2. Đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) (Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số $y = ax^2$ nhờ đồ thị . Không c/m bằng phương pháp biến đổi đại số ; Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị với a là số hữu tỉ)	
	48	Luyện tập	
25	49	§3. Phương trình bậc hai một ẩn (Ví dụ 2–trang 41: Giải: Chuyển vế -3 và đổi dấu của nó, ta được: $x^2 = 3$ suy ra $x = \sqrt{3}$ hoặc $x = -\sqrt{3}$ (viết tắt là $x = \pm\sqrt{3}$). Vậy phương trình có hai nghiệm: $x_1 = \sqrt{3}, x_2 = -\sqrt{3}$. (Được viết tắt $x = \pm\sqrt{3}$).	
	50	Luyện tập	
26	51	§4. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Công thức nghiệm của phương trình bậc hai” 1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai 2 Công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai
	52	Luyện tập	
27	53	§5. Công thức nghiệm thu gọn	

	54	Ôn tập giữa học kỳ II
28	55;56	Kiểm tra giữa học kỳ II 90” (gồm Hình học và Đại số)
29	57	Luyện tập
	58	§6. Hệ thức Vi-et và ứng dụng (Bài 33: khuyến khích học sinh tự làm)
30	59	Luyện tập
	60	§7. Phương trình qui về phương trình bậc hai
31	61	Luyện tập
	62	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình
32	63	Luyện tập
	64	Ôn tập chương IV (với sự hỗ trợ của Máy tính cầm tay)
33	65	Ôn tập chương IV (với sự hỗ trợ của Máy tính cầm tay) (Bài 66: khuyến khích học sinh tự làm)
	66	Ôn tập học kỳ II
34	67 68	Kiểm tra học kỳ II
35	69	Ôn tập cuối năm
	70	Trả bài kiểm tra học kỳ II

Hình học 9 – Học kỳ I (32 tiết)

Chương I: Hệ thức lượng trong tam giác vuông		
Tuần	Tiết	Tên bài dạy
1	1,2	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông
2	3,4	Luyện tập
3	5,6	§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn (kí hiệu–trang 72: Kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$, cotang của góc α là $\cot \alpha$)
4	7	Luyện tập
	8	Luyện tập (có thể luyện tập thêm về tìm tỉ số lượng giác bằng máy tính cầm tay); (§3 trang 77–81 không dạy)
5	9,10	§4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông
6	11,12	Luyện tập
7	13,14	§5. Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời
8	15,16	Ôn tập chương I (với sự hỗ trợ của Máy tính cầm tay)
9	17	Ôn tập giữa học kỳ I
		Chương II: Đường tròn (19 tiết)
	18	§1. Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn
10	19	Luyện tập
	20	§2. Đường kính và dây của đường tròn
11	21	Luyện tập
	22	§3. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây
12	23	Luyện tập
	24	§4. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn
13	25	Luyện tập

	26	§5. Các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn
14	27	Luyện tập
	28	§6. Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau
15	29	Luyện tập
16	30	Ôn tập giữa chương II
17	31	Ôn tập học kỳ I
18	32	Trả bài KT cuối học kỳ (phần Hình học)

Hình học 9 – Học kỳ II (38 tiết)

Chương II: Đường tròn (19 tiết – Tiếp theo)			
Tuần	Tiết	Tên bài dạy	
19	33	§7. Vị trí tương đối của hai đường tròn	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “ <i>Vị trí tương đối của hai đường tròn</i> ” 1. Ba vị trí tương đối của hai đường tròn 2. Tính chất đường nối tâm 3. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính 4. Tiếp tuyến chung của hai đường tròn
	34	§8. Vị trí tương đối của hai đường tròn (tt)	
	35	Luyện tập	
20	36	Ôn tập chương II	
		Chương III: Góc với đường tròn	
	37	§1. Góc ở tâm. Số đo cung	
	38	Luyện tập	
21	39	§2. Liên hệ giữa cung và dây	
	40	§3. Góc nội tiếp	
	41	Luyện tập	
22	42	§4. Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	
	43	Luyện tập	
	44	§5. Góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn	
23	45	Luyện tập	
	46	§6. Cung chứa góc (1. Bài toán quỹ tích ”cung chứa góc” trang 83–85: Không yêu cầu học sinh thực hiện ?2 ; không yêu cầu chứng minh mục a, b và công nhận kết luận c)	
24	47	Luyện tập	
	48	§7. Tứ giác nội tiếp (mục 3. Định lí đảo-trang 88: Không yêu cầu chứng minh định lí đảo)	
25	49	Luyện tập	
	50	§8. Đường tròn ngoại tiếp. đường tròn nội tiếp	
26	51	§9. Độ dài đường tròn, cung tròn (mục 1. Công thức tính độ dài đường tròn - trang 92: ?1Không yêu cầu học sinh làm)	

	52	Luyện tập
27	53	§10. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn
	54	Luyện tập
28	55	Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ II
	56	Ôn tập chương III (với sự hỗ trợ của Máy tính cầm tay)
29	57	Ôn tập chương III (với sự hỗ trợ của Máy tính cầm tay) <i>(Bài tập 99 không yêu cầu HS làm)</i>
		Chương IV: Hình trụ - Hình nón - Hình cầu
	58	§1. Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích hình trụ
30	59	Luyện tập
	60	§2. Hình nón - Diện tích xung quanh và thể tích hình nón
31	61	Luyện tập
	62	§3. Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu
32		§3. Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu (Bài tập 36;37 Không yêu cầu học sinh làm)
	63	
	64	Luyện tập
33	65	Ôn tập chương IV (Bài tập 44 Không yêu cầu học sinh làm)
	66	Ôn tập học kì II
34 + 35	67,68,69	Ôn tập cuối năm (Bài tập 14;17 Không yêu cầu học sinh làm)
	70	Trả bài KT cuối năm phần Hình học